

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HS-ST

Ngày: 04/01/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Công Huân

Thẩm phán: Ông Phan Văn Liệt

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Giáo
2. Ông Trần Huỳnh
3. Ông Nguyễn Đình Cương

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Quốc Khánh- cán bộ Toà án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà: Bà Dương Thụy Kim Ngân và ông Nguyễn Văn Thanh- Kiểm sát viên.

Trong ngày 04/01/2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 586/2017/HSST ngày 01/11/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vũ Minh T**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “T Bổng”; sinh ngày 05/01/1998 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 384/6/15C đường LTT, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú trước khi bị bắt: 611/611 đường Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: (không); con ông Vũ Hoàng M (chết) và bà Phan Thị Ngọc T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 25/12/2013, cùng đồng bọn cướp giật tài sản tại Phường 1, Quận 3 rồi bỏ trốn; ngày 02/10/2014, bị công an Quận 10 bắt, tạm giam theo Quyết định truy nã; ngày 03/4/2015 được Tòa án nhân dân Quận 3 thay đổi biện pháp ngăn chặn cho tại ngoại; ngày 26/5/2015 bị bắt giữ; ngày 01/12/2015, bị

Tòa án nhân dân Quận 3 xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HS-ST ngày 01/12/2015, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2015 (hiện bị cáo đang chấp hành bản án vừa nêu).

Bắt, tạm giữ: 26/5/2015;

Tạm giam: 29/5/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2.Họ và tên: **Phạm Hoàng Hân H**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “Lượm”; sinh ngày 12/4/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: 392/14 đường CT, Phường 12, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 392/10 đường Cao Thắng, Phường 12, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: (không); con ông Phạm Hoàng L và bà Đồng Thị T (chết); hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 10/11/2013 có hành vi Cướp giật tài sản, ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự, thời hạn tù tính từ 11/11/2013 (bản án số 138/2014/HSST ngày 28/10/2014)(theo Điều 107 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì không xem là có án tích).

Bắt, tạm giữ: 18/5/2015;

Tạm giam: 27/5/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3.Họ và tên: **Hứa Anh M**; giới tính: Nam; tên gọi khác: Út M; sinh ngày 12/6/1992 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 260/1 đường NDD, Phường 4, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 7/12; nghề nghiệp: (không); con ông Hứa Trọng T (chết) và bà Trần Thị Ngọc D; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án:

Ngày 17/6/2008, có hành vi cướp tài sản nên ngày 13/3/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 5 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản” (bản án số 34/2009/HSST ngày 13/3/2009), bị cáo kháng cáo; ngày 11/6/2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phúc thẩm tuyên xử sửa án sơ thẩm, xử phạt Minh 4 năm tù (bản án hình sự phúc thẩm số 956/2009/HSPT ngày 11/6/2009), đến ngày 30/8/2010 được đặc xá;

Ngày 04/4/2012 bị bắt về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” nên ngày 20/6/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 2 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài

sản” (bản án số 95/2012/HSST ngày 20/7/2012), ngày 04/4/2014 được tha về địa phương.

Bắt, tạm giữ: 18/5/2015;

Tạm giam: 27/5/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4. Họ tên: **Trang Hữu Tr**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “Tèo”, “Tèo Cao”; sinh ngày 05/7/1996 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 690/7 đường LHP, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 8/12; nghề nghiệp: (không); con ông Trang Hữu H và bà Nguyễn Thị Ngọc Y; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 10/11/2013, có hành vi cướp giật tài sản, ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự (bản án số 138/2014/HSST ngày 28/10/2014)(theo Điều 107 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi, bổ sung 2017 thì không xem là có án tích).

Bắt, tạm giữ: 18/5/2015;

Tạm giam: 27/5/2015

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

5. Họ và tên **Trần Đoàn Đ(1)**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “Gấu”; sinh ngày 30/10/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: B1/3G, ấp 2 xã VLA, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 458/59 đường Lý Thái Tổ, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 1/12; nghề nghiệp: (không); con ông Trần Ngọc Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Kim N; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Năm 2011, có hành vi “Cướp giật tài sản”; Công an phường 9, quận 10 lập hồ sơ đưa vào trường Giáo dưỡng số 4, tháng 3/2013 được cho về địa phương.

Bắt, tạm giữ: 18/5/2015;

Tạm giam: 27/5/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

6. Họ và tên: **Nguyễn Quốc T(1)**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “Tiger”; sinh ngày 07/10/1997 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: 80/1 đường LĐT, phường Thới An, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh;

quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: (không), con ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Minh T; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 21/5/2013 bị Công an quận 10 bắt về hành vi cướp giật tài sản, ngày 13/11/2013, bị Tòa án nhân dân quận 10 xử 1 năm tù tội “Cướp giật tài sản”; ngày 21/4/2014 được tha về địa phương (bl.216). Theo quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo được xem là có án tích vì khi phạm tội chưa đủ 16 tuổi).

Tiền sự: (không);

Bắt, tạm giữ: 26/5/2015;

Tạm giam: 29/5/2015;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

7.Họ và tên: **Huỳnh Lâm Thành Đ**; giới tính: Nam; tên gọi khác: “Đ Hí”; sinh ngày 20/12/1999 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký thường trú: 33/20/1, đường LHP, Khóm 6, Phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Chung cư 1AB đường CT, Phường 2, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: (học sinh); con ông Huỳnh Ngọc L (chết) và bà Lâm Thị Tuyết L; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Bắt, tạm giam: 26/4/2016;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

8.Họ và tên: **Trần Hoài Th**; giới tính: Nam; sinh ngày 15/3/1999 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi đăng ký thường trú: B1/3G, Ấp 2, xã VL A, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 458/59 đường LTT, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: (không); con ông Trần Ngọc Huỳnh Long và bà Huỳnh Thị Kim Ngân; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 23/7/2012, thực hiện hành vi cướp giật nên ngày 28/7/2012, bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân Phường 10, Quận 10 áp dụng biện pháp xử lý hành chính giáo dục tại phường xã 6 tháng (Quyết định số 14/QĐ-UB);

Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

9.Họ và tên: **Nguyễn Quang P**; tên gọi khác: P Nẫu; sinh năm 1977 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký thường trú: thôn Vùng 5, xã Phổ Thuận, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú trước khi bị bắt: (không nơi ở nhất định); quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: (không); trình độ văn hóa: 01/12;

con ông Nguyễn Văn Nuôi và bà Lê Thị Nở; hoàn cảnh gia đình: chưa có vợ con;

Tiền án:

-Ngày 24/3/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”;

-Ngày 27/12/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/1999;

-Ngày 30/01/2000 có hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 11/10/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (án phúc thẩm); chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2013;

-Ngày 05/7/2004 có hành vi “Cướp giật tài sản”, ngày 12/01/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 05/7/2009 chấp hành xong hình phạt tù;

-Ngày 09/4/2010 có hành vi trộm cắp, ngày 19/6/2012, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong án phạt tù 09/10/2013 (án phúc thẩm);

Tiền sự: (không);

Nhân thân: Ngày 20/8/2015, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc 24 tháng; chấp hành xong ngày 30/6/2017;

Bắt, tạm giam: 07/7/2017;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa:

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Minh T và Trần Đoàn Đ(1): Ông Nguyễn Minh Trí, Luật sư Văn phòng luật sư Trí Phúc, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Lâm Thành Đ, Hứa Anh M và Trang Hữu Tr: Ông Hà Ngọc Tuyên, Luật sư Văn phòng luật sư Hà Tuyên, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T(1): Bà Nguyễn Thụy Anh, Luật sư Trung tâm trợ giúp pháp lý Thành phố Hồ Chí Minh, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Hoàng Hân H: Ông Nguyễn Thanh Hiệp, Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn H.T.P, Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

Bị hại:

1. Anh Sơn Liêm; sinh năm 1998 (đã chết);

Đại diện người bị hại:

- Ông Sơn Khiêm; sinh năm 1958; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: Ấp Ba Sát, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; là cha đẻ anh Liêm;

- Bà Sơn Thị Dung; sinh năm 1963; nơi đăng ký thường trú, nơi cư trú: Ấp Ba Sát, xã Đôn Châu, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; là mẹ đẻ anh Liêm;

Người đại diện hợp pháp của ông Khiêm và bà Dung: Ông Sơn Sa Ly; sinh năm 1987; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền 14/9/2017); có mặt;

Người bảo vệ quyền lợi cho ông Khiêm và bà Dung: Ông Huỳnh Khắc Thuận; luật sư Văn phòng luật sư Nguyễn Quang Vũ; Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2. Anh Thạch Phonl Si (Thạch Xi) sinh năm 1996; nơi đăng ký thường trú; nơi cư trú: Ấp Rọ Say, xã Ngũ Lạc, huyện Duyên Hải, tỉnh Trà Vinh; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn dân sự, người đại diện gia đình các bị cáo chưa thành niên:

1. Ông Trần Ngọc Huỳnh L; sinh năm 1976; nơi đăng ký thường trú: 458/59 đường LTTổ, Phường X, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh; là cha đẻ của bị cáo Đ(1) và Th); vắng mặt (có đơn xin vắng mặt);

2. Bà Huỳnh Thị Kim N; sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: B1/3G Ấp 2, xã VLA, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ đẻ của bị cáo Đ(1) và Th); vắng mặt (theo tài liệu điều tra bổ sung có trong hồ sơ thì bà N bỏ địa phương đi năm 2007, không rõ ở đâu - bl.1185);

3. Ông Nguyễn Quốc T; sinh năm 1972; nơi đăng ký thường trú: 80/1 đường LĐT, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; là cha đẻ bị cáo T(1));

4. Bà Nguyễn Minh T; sinh năm 1973; nơi đăng ký thường trú: 80/1 đường LĐT, phường Thới An, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ đẻ bị cáo T(1);

Người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Minh T: Ông Nguyễn Việt Bình; sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: 15/1A Ụ Ghe, khu phố 2, phường Tam Phú, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 28/12/2017); có mặt

5. Bà Lâm Thị Tuyết L; sinh năm 1962; nơi đăng ký thường trú: 33/20/1, Khóm 6 Lê Hồng Phong, Phường Z, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng; nơi cư trú: Chung cư 1AB đường CT, Phường 2, Quận 3, thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ đẻ bị cáo Đ; có mặt;

6. Bà Phan Thị Ngọc T; sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú: 384/6/15C đường Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi cư trú: 222/1 đường Lý Thái Tổ, Phường 1, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; là mẹ đẻ của bị cáo T; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/5/2015, Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H (tự Lượm), Nguyễn Quốc T(1) (tự Tiger), Huỳnh Lâm Thành Đ (tự Đ Hí) và Nguyễn Bảo Khang (sinh ngày 21/4/2000) cùng một số bạn gái đến ngồi chơi ở khu vực công viên Vườn Lan thuộc Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng thời điểm đã nêu, ở khu vực giữa công viên Vườn Lan cũng có một nhóm thanh niên người dân tộc Khơ me gồm: Thạch Cương, Thạch Tâm Ương, Thạch Cửa, Dương Văn Hạnh, Thạch Nas, Thạch Sang (đều là nhân viên của khách sạn Tân P Vũ tọa lạc trên địa bàn Phường 12, Quận 10) đang ngồi uống rượu cùng với Vũ Tuấn Hùng (tự Tuấn “Gòn”).

Do có quen biết với nhau từ trước nên Vũ Tuấn Hùng (Hùng) có đến gặp và nói chuyện với Vũ Minh T (T) và Phạm Hoàng Hân H (H). Đôi bên nói chuyện với nhau được khoảng 10 phút thì có 3 thanh niên người Khơ me (không rõ lai lịch) đi trên 1 xe máy, có một người mang theo mã tấu giấu trong người đi đến gặp Hùng và nhóm của anh Thạch Cương và hỏi “Tụi nó đâu”. Nghĩ rằng 3 người thanh niên vừa nêu muốn kiếm chuyện với nhóm của mình nên T và H bảo Nguyễn Quốc T(1) (T(1)), Huỳnh Lâm Thành Đ (Đ) và Nguyễn Bảo Khang (Khang) đến nhà của Trần Đoàn Đ(1) (Đ(1)) tại địa chỉ 458/59 đường Lý Thái Tổ, Phường 10, Quận 10. Còn T và H thì dùng xe máy của T(1) chạy về nơi T ở tại chung cư số 611/611 đường Điện Biên Phủ, Phường 1, Quận 3. T lấy 1 mã tấu dài 70cm để dọc theo yên xe rồi cả hai quay lại nhà của Đ(1). Tại đây, T và H nói với T(1), Đ và Khang biết là sẽ đi qua công viên Vườn Lan để đánh nhau. Sau đó, H chở T bằng xe máy mang theo mã tấu đến công viên Vườn Lan; Đ chở T(1) và Khang bằng xe máy của Khang đi theo sau.

Khi đến công viên Vườn Lan, H dừng xe tại góc công viên đối diện siêu thị “Mini Stop”, còn Đ, T(1) và Khang dừng xe máy ở phía sau, tại đầu công viên giáp ranh với câu lạc bộ “Thế Giới Xanh”. H ngồi trên xe máy, còn T cầm mã tấu đi bộ tiến đến nơi nhóm của anh Thạch Cương đang ngồi. Thấy vậy, những người trong nhóm của anh Thạch Cương cầm gạch, đá ném ra và cầm cây chạy ra định đánh T, T bỏ chạy và leo lên xe máy của H đang chờ sẵn, rồi cả nhóm đi về nhà của Đ(1). Khi đến nhà Đ(1) thì gặp Đ(1) và Trang Hữu Tr (tự Tèo). T kể lại sự việc vừa nêu cho Đ(1) và Trang Hữu Tr (Tr) nghe, đồng thời rủ Đ(1), Tr và cả

nhóm đi đánh trả thù. Sau đó, T gọi điện thoại cho Hứa Anh M (tự Út M), hỏi mượn mã tấu của M và rủ M đi đánh nhau, M đồng ý. T bảo H chở T đến nhà M tại địa chỉ 260/1 đường Nguyễn Duy Dương, Phường 4, Quận 10. M cầm theo 1 mã tấu dài khoảng 50cm và một cây “dũ” 3 khúc bằng inox, rồi cả ba quay trở lại nhà của Đ(1). Tại đây, M đưa mã tấu cho H, còn M giữ cây “dũ”. Nghe theo lời của T, Đ(1) lấy thêm 2 con dao (mỗi con dài khoảng 30cm), Đ(1) đưa cho Đ 1 con, Đ(1) giữ 1 con.

Sau đó, T, H mỗi người cầm 1 mã tấu; M cầm cây “dũ” 3 khúc; Đ và Đ(1) mỗi người cầm 1 con dao cùng với Tr, T(1) và Khang đi đến Công viên Vườn Lan. Trên đường đi, đến đầu hẻm trên Đường 3/2, Đ(1) đưa con dao của mình cho T(1). Khi nhóm của T đi từ Đường 3/2 vào đường Trần Thận Chánh thì gặp Nguyễn Quang P (thường gọi là P Nẫu) điều khiển xe máy đi ngang qua. Do có quen biết với T nên P dừng xe lại và nói chuyện với T. P hỏi T đi đâu thì T nói cho P biết là đi đánh nhau với nhóm người Khơ me ở công viên Vườn Lan. Trên đường đi, Tr và Đ(1) rút lấy 1 khúc cây tre và 1 khúc gỗ dùng chống tấm bạt làm mái che của quán bên đường để làm hung khí.

T và H cầm mã tấu đi trước, còn M, Tr, Đ(1), T(1), Đ và Khang đi theo sau cách khoảng 2m đến 3m. Khi đến góc công viên Vườn Lan (đối diện bệnh viện Vạn Hạnh), T và H cầm mã tấu xông vào quán cà phê ở góc công viên Vườn Lan thì gặp anh Sơn Liêm và Thạch Phonl Si (là nhân viên của khách sạn An Hội ở Phường 12, Quận 10) cùng với bạn gái đang ngồi uống nước trong quán. Anh Si và anh Liêm hoảng sợ đứng dậy hất bàn định bỏ chạy. T và H nghĩ rằng anh Liêm và anh Si thuộc nhóm của anh Thạch Cương nên cầm mã tấu xông vào chém. H chém anh Si theo hướng từ trên xuống, anh Si giơ tay phải lên đỡ nên bị chém trúng bàn tay phải. Anh Si bỏ chạy về hướng đường Lê Hồng Phong, T cầm mã tấu rượt đuổi theo nhưng không kịp. Trong lúc T rượt đuổi anh Si thì H cầm mã tấu rượt đuổi anh Liêm. Khi đến lề đường ở góc công viên đối diện Trường học Vạn Hạnh, H chém trúng lưng anh Liêm. Anh Liêm tiếp tục bỏ chạy đến trước cổng trường Vạn Hạnh thì chạy vòng ngược lại về hướng đường Lê Hồng Phong. Tr, M, Đ(1), T(1), Đ, Khang cùng với H và T tiếp tục rượt đuổi anh Liêm. Khi tiếp cận anh Liêm, Tr cầm khúc tre đánh trúng chân anh Liêm làm anh Liêm bị ngã và ngồi ôm đầu trên vỉa hè, sát hàng rào của trường học Vạn Hạnh. T cầm mã tấu chém thẳng vào đầu và người anh Liêm nhiều nhát; H, Đ cầm dao chém vào phần thân người anh Liêm; Đ(1) cầm cây gỗ đánh vào thân người anh Liêm; Khang cầm đá ném nhưng không trúng người anh Liêm; M cũng cầm cây “dũ” đánh trúng vào chân anh Liêm 1 cái. T(1) cầm dao đứng ngoài cảnh giới cho đồng bọn. Khi thấy anh Liêm bị gục ngã, T, H và M cầm theo hung khí leo lên xe máy của P nhờ P chở đến đầu hẻm trên Đường 3/2; còn T(1), Tr, Đ(1), Đ và Khang chạy bộ theo xe máy của P. Sau đó, cả nhóm đi về nhà của Đ(1), T đưa mã tấu (mũi mã tấu có dính máu và tóc của nạn nhân) cho Trần Hoài Th (sinh năm 1999, em ruột Đ(1)) cất giấu; còn Đ(1) thì cất giấu mã tấu mà H đã sử dụng và cây “dũ” ba khúc ở góc tủ, rồi Thành cùng đồng bọn bỏ trốn.

Anh Liêm được người dân đưa đi cấp cứu nhưng đã chết vào ngày 17/5/2015 tại Bệnh viện 115.

Ngày 18/5/2015, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Quận 10 bắt giữ Phạm Hoàng Hân H, Trang Hữu Tr, Trần Đoàn Đ(1), Hứa Anh M; Ngày 26/5/2015 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh bắt giữ Vũ Minh T và Nguyễn Quốc T(1). Ngày 26/4/2016, Huỳnh Lâm Thành Đ bị bắt giữ.

Tại Cơ quan điều tra: Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H, Trần Đoàn Đ(1), Hứa Anh M, Trang Hữu Tr, Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ và Trần Hoài Th khai nhận hành vi phạm tội như nêu trên.

Ngày 07/7/2017, P bị bắt.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan công an có thu giữ được một số vật chứng như sau:

- 1 mã tấu dài khoảng 70cm, bề bản lưỡi rộng 4,5cm, mũi nhọn, phần chuôi quấn bằng dây vải;

- 1 cây mã tấu dài khoảng 50cm, bề bản lưỡi rộng 4,5cm, mũi bằng, phần chuôi được quấn bằng băng keo màu đen có sọc màu đỏ;

- 1 con dao tự chế dài khoảng 33cm, cán dao quấn sợi nylon màu xanh dài khoảng 10cm;

- 1 con dao dài khoảng 31cm, cán bằng nhựa dài khoảng 11cm, một bên cán bị mất phần ốp cán;

- 1 khúc tre dài khoảng 1,48m;

- 2 khúc gỗ tròn dài khoảng 58cm, màu nâu;

- 1 nón bảo hiểm màu đen, cam;

- 1 đôi dép kẹp màu trắng;

- 1 đôi dép kẹp màu đen;

- 1 đôi dép màu đen;

- 1 mẫu máu và tóc thu tại hiện trường;

- 1 mẫu máu thu tại hiện trường;

- 1 mẫu máu của nạn nhân Sơn Liêm;

- 1 điện thoại LG;

- 1 điện thoại Samsung thu của (Hứa Anh M);

- 1 điện thoại Nokia (thu của Trang Hữu Tr).

Theo bản kết luận pháp y tử thi số 416-15/KLGD-PY ngày 15/6/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (277) thì anh Sơn Liêm chết bởi vết thương sọ não hở do bị chém. Các thương tích trên cơ thể anh Liêm được xác định như sau:

Khám ngoài:

-Vùng đầu: Đứt da giữa đỉnh hai bên không rõ hình (3 vết trùng vào nhau), bờ mép sắc gọn, kích thước 11cm x 1,8cm. Đứt da dạng thẳng ở đỉnh phải bờ mép sắc gọn, kích thước 7,5cm x 0,5cm. Đứt da ở cằm phải tạo thành vạt theo hướng từ trên xuống dưới, bờ mép sắc gọn, kích thước 6cm x 3,5cm.

-Thùng đứt da dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn ở lưng phải, kích thước 7cm x 2cm.

-Đứt xước da nông ở bả vai phải, kích thước 12cm x 0,2cm. Đứt xước da nông ở sau khớp vai và sau cánh tay phải, kích thước 12cm x 0,2cm.

-Đứt da nông ở đốt sống ngực số 2, kích thước 4cm x 0,3cm. Đứt xước da nông ở bả vai trái, kích thước 6,5cm x 0,2cm.

-Trầy da mặt sau trong 1/3 dưới cằm tay phải, kích thước 3cm x 0,5cm. Đứt da sắc gọn dọc theo ngón 2 tay phải phía mu tay, kích thước 6cm x 1,3cm.

-Đứt da sắc gọn mu tay trái (đốt bàn 4 và 5) không rõ hình (hai vết trùng vào nhau), kích thước 11,5cm x 4cm.

-Thùng đứt da dạng hình bầu dục, bờ mép sắc gọn ở mặt ngoài 1/3 trên cằm chân phải, kích thước 9,5cm x 4cm.

-Trầy da ngoài gối trái, kích thước 5,5cm x 4cm.

Khám trong:

-Vùng đầu: Tụ máu dưới da và cơ dưới các vết đứt da bên ngoài. Vết thương ở giữa đỉnh hai bên làm đứt sắc gọn và nứt vỡ xương đỉnh hai bên dài 17cm, chỗ rộng nhất 1,5cm, có một số sợi tóc dính vào chỗ đứt xương ở đỉnh phải và một số mảnh xương đứt vỡ rơi vào phía trong. Đứt màng cứng hai bên 3 lỗ. Dập thùy đỉnh hai bên. Xuất huyết lan tỏa dưới nhện hai bán cầu đại-tiểu não. Vết thương ở cằm phải chỉ gây tổn thương da và cơ, không gây tổn thương xương.

-Vết thương ở 2 ngón tay phải làm đứt sắc gọn một phần xương đốt ngón 1 và 2. Vết thương ở mu bàn tay trái làm đứt sắc gọn một phần xương đốt bàn 4.

-Các vết thương còn lại chỉ gây tổn thương da và cơ.

Văn bản giải thích pháp y số 16/PC54(Đ4) ngày 17/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải thích sự liên quan giữa hung khí thu giữ được với thương tích trên thi thể anh Sơn Liêm như sau:

-Các vết thương thùng, đứt da và đứt xước da nông: Ở giữa đỉnh phải hai bên, ở đỉnh phải, ở cằm phải, ở lưng phải, ở bả vai phải, ở sau khớp vai và sau cánh tay phải, ở đốt sống ngực số 2, ở bả vai trái, ở ngón 2 tay phải phía mu tay, ở mu tay trái, ở cằm chân phải đều có bờ mép sắc gọn là do vật sắc nhọn gây ra; 2 mã tấu mô tả trong công văn và gửi giám định (có hình ảnh trong kết luận giám định số 114-15 ngày 28/7/2015) có thể gây ra được các vết thương nêu trên; 2 con dao mô tả trong công văn và gửi giám định (có hình ảnh trong kết luận giám định

số 114-15 ngày 28/7/2015) khó có thể gây ra được các vết thương có tổn thương xương (ở giữa đỉnh phải hai bên, ở đỉnh phải, ở ngón 2 tay phải phía mu tay, ở mu tay trái), có thể gây ra được các vết thương còn lại như đã nêu (ở chẩm phải, ở lưng phải, ở bả vai phải, ở sau khớp vai và sau cánh tay phải, ở đốt sống ngực số 2, ở bả vai trái, ở cẳng chân phải).

-Các vết trầy da ở cẳng tay phải, ở phía ngoài gối trái là do tiếp xúc với vật tày gây ra. Cây tre và hai cây gỗ có thể gây ra được các vết trầy da này.

Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 856/TgT.15 ngày 29/10/2015 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh kết luận thương tích của anh Thạch Phonl Si như sau:

-Vết thương bàn tay phải gây đứt da, đứt gân duỗi ngón III, IV, V, đứt lìa đốt xa ngón II, gãy đốt gần ngón III, hiện:

+Mỏm cụt đốt xa ngón II tốt;

+Hình ảnh gãy đốt gần ngón III can lệch, còn dụng cụ kết hợp xương;

+Sẹo kích thước 3,5x0,1cm tại mặt mu đốt gần ngón III;

+Sẹo kích thước 5,5x0,3cm tại mặt mu gốc ngón IV, V;

+Vận động cảm giác các ngón tay bình thường chỉ ngón III gấp không sát;

-Thương tích do vật sắc, vật sắc nhọn tác động mạnh gây ra.

-Các hung khí là dao như quý cơ quan cung cấp đều có thể gây ra được thương tích này.

-Thương tích không nguy hiểm đến tính mạng đương sự.

Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 14%.

Bản kết luận giám định số 100-15/KLGD-SV ngày 22/5/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Mẫu máu ghi thu của nạn nhân Sơn Liêm thuộc nhóm máu A.

Bản kết luận giám định số 114-15/KLGD-SV ngày 28/7/2015 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận:

-Mã tấu (như mô tả tại mục 2.1- hình 1): Chất màu nâu đỏ dính ở phần đầu mũi mã tấu là máu người, nhóm máu A, cùng nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Sơn Liêm;

-Mã tấu (như mô tả tại mục 2.2- hình 2): Chất màu nâu đỏ dính ở lưỡi mã tấu là máu người, nhóm máu A, cùng nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Sơn Liêm;

-Con dao (như mô tả tại mục 2.3-hình 3): Không dính máu;

-Con dao (như mô tả tại mục 2.4-hình 4): Vết màu nâu đỏ dính trên lưỡi dao là máu người, không còn dấu vết để xác định nhóm máu;

-Cây tre (như mô tả tại mục 2.5-hình 5): Vết nhỏ màu nâu đỏ dính trên cây tre là máu người, không còn dấu vết để xác định nhóm máu;

-Cây gỗ (như mô tả tại mục 2.6-hình 6): Không dính máu;

-Cây gỗ (như mô tả tại mục 2.7-hình 7): Không dính máu;

-Nón bảo hiểm (như mô tả tại mục 2.8-hình 8): Không dính máu;

-Đôi dép kẹp màu trắng (như mô tả tại mục 2.9-hình 9): Không dính máu;

-Đôi dép kẹp màu đen (như mô tả tại mục 2.10-hình 10): Không dính máu;

-Đôi dép kẹp màu đen (như mô tả tại mục 2.11-hình 11): Không đủ cơ sở để xác định có dính máu hay không;

-Dấu vết thu tại hiện trường (như mô tả tại mục 2.12-hình 12):

+Dấu vết được thu bằng bông gòn, là máu người, nhóm máu A, cùng nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Sơn Liêm;

+ Một số sợi tóc: không giám định nhóm máu từ mẫu tóc;

-Dấu vết thu tại hiện trường (như mô tả tại mục 2.13-hình 13): là máu người, nhóm máu A, cùng nhóm máu với mẫu máu ghi thu của nạn nhân Sơn Liêm.

Trong quá trình điều tra và gia đình chuẩn bị xét xử, phí gia đình các bị cáo đã bồi thường một phần cho gia đình anh Sơn Liêm, cụ thể: gia đình T(1) bồi thường 6.000.000đ, gia đình Đ bồi thường 11.000.000đ, gia đình Thành bồi thường 13.000.000đ, gia đình M bồi thường 9.000.000đ, gia đình Tr bồi thường 7.000.000đ.

Tại bản cáo trạng số 301/VKS-P2 ngày 24/7/2017, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

-Truy tố Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H, Hứa Anh M về tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích” theo điểm n khoản 1 Điều 93 và khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự);

-Truy tố Trang Hữu Tr, Trần Đoàn Đ(1), Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự;

-Truy tố Trần Hoài Th và Nguyễn Quang P về tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa,

Sau khi phân tích, đánh giá những chứng cứ xác định hành vi phạm tội của từng bị cáo; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra, nhân thân, vai trò của từng bị cáo trong vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với từng bị cáo, kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử kết tội các bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị như sau:

Về trách nhiệm hình sự:

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50, Điều 69, Điều 74 và Điều 75 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Vũ Minh T 18 năm tù về tội “Giết người” và từ 1 đến 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành 1 năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HS-ST ngày 01/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Phạm Hoàng Hân H từ 16 đến 18 năm tù về tội “Giết người” và 2 đến 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 18 đến 21 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 7, Điều 50 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Hứa Anh M 10 đến 12 năm tù về tội “Giết người” và từ 1 đến 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là từ 11 đến 14 năm tù.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Trang Hữu Tr từ 12 đến 14 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Trần Đoàn Đ(1) từ 8 đến 10 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt Nguyễn Quốc T(1) từ 8 đến 10 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74 Bộ luật hình sự,

Xử phạt Huỳnh Lâm Thành Đ 7 đến 8 năm tù về tội “Giết người”.

Áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm h và p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt Trần Hoài Th từ 1 đến 2 năm tù về tội “Che giấu tội phạm” nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định của pháp luật.

Áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999,

Xử phạt Nguyễn Quang P từ 1 đến 2 năm tù về tội “Che giấu tội phạm”.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc các bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Về vật chứng: Đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

Luật sư Nguyễn Minh Trí bào chữa cho bị cáo Vũ Minh T và Trần Đoàn Đ(1) như sau:

- Bị cáo T rượt đuổi anh Si sau khi bị cáo H đã chém anh Si, hành vi của T không gây tác động nào khác đến hậu quả anh Si bị thương tích. Nói cách khác đó là T rượt đuổi anh Si vào thời điểm mà tội phạm gây thương tích cho anh Si đã hoàn thành. Do vậy, không có cơ sở để xác định T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

- Về tội danh “Giết người” mà Viện kiểm sát truy tố đối với T là đúng. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau để giảm nhẹ cho bị cáo: Bị cáo phạm tội vào thời điểm chưa đủ 18 tuổi, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mồ côi cha, sống trong hoàn cảnh thiếu sự chăm sóc, giao dưỡng của gia đình; gia đình bị cáo rất nghèo nhưng cũng tự nguyện bồi thường một phần cho phía bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và các quy định đối với người chưa thành niên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Bị cáo Đ(1) chỉ phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93, bởi lẽ: Những con dao mà Đ(1) cung cấp không phải là hung khí gây ra vết thương dẫn đến việc anh Liêm chết; bị cáo không tham gia từ đầu, các bị cáo đã đến nhà bị cáo rủ rê, lôi kéo, bị cáo phạm tội trong tâm thế nể nang bạn bè.

Bị cáo Vũ Minh T và Trần Đoàn Đ(1) không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị được Hội đồng xét xử xem xét KH hồng.

Luật sư Hà Ngọc Tuyên bào chữa cho bị cáo Huỳnh Lâm Thành Đ, Hứa Anh M và Trang Hữu Tr như sau:

- Bị cáo M là đồng phạm có vai trò hạn chế. Trong quá trình gây án, khi thấy các bị cáo khác chém anh Liêm, bị cáo đã có hành vi khuyên can. Bị cáo mồ côi cha, bản thân bị bệnh viêm gan siêu vi B; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo cũng đã tự nguyện bồi thường một phần cho phía bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự và các quy định đối với người chưa thành niên để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

- Tương tự như M, Đ cũng là đồng phạm mức có vai trò hạn chế. Bị cáo chỉ chém một nhát vào chân anh Liêm, thương tích do Đ gây ra không gây nguy hiểm đến tính mạng anh Liêm. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho phía bị hại. Khi phạm tội, bị cáo mới 15 tuổi 6 tháng. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo chỉ

phải chịu mức hình phạt không quá ½ mức hình phạt so với người đã thành niên. Với tính chất, mức độ vi phạm, các tình tiết giảm nhẹ như đã nêu, Viện kiểm sát đề nghị phạt bị cáo Đ từ 7 đến 8 năm tù là có phần nặng. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo từ 5 đến 6 năm tù là phù hợp.

-Bị cáo Tr khi tham gia đánh anh Liêm,bị cáo chỉ dùng cây đánh vào chân anh Liêm 1 cái. Mức độ nguy hiểm của hành vi là có tính hạn chế. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã khắc phục một phần thiệt hại cho bị hại. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Huỳnh Lâm Thành Đ không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị được Hội đồng xét xử xem xét KH hồng.

Bị cáo Trang Hữu Tr không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị được Hội đồng xét xử xem xét KH hồng, bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía người bị hại.

Bị cáo Hứa Anh M không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị được Hội đồng xét xử xem xét. Bị cáo chỉ có hành vi rượt đuổi anh Si nhưng không gây thương tích cho anh Si. Khi thấy các bị cáo khác chém anh Liêm, bị cáo có khuyên can nhưng không kịp. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu người bị hại.

Luật sư Nguyễn Thụy Anh, bào chữa cho bị cáo Nguyễn Quốc T(1) như sau: Không có đủ cơ sở để kết luận T(1) phạm tội “Giết người”, bởi lẽ không có cơ sở để xác định T(1) đã cầm dao chém anh Liêm; việc T(1) thừa nhận đứng cạnh giới cho các bị cáo khác là không phù hợp với thực tế, bởi lẽ việc cạnh giới là không cần thiết.

Bị cáo Nguyễn Quốc T(1) bào chữa như sau Bị cáo không trực tiếp chém anh Liêm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Luật sư Nguyễn Thanh Hiệp bào chữa cho bị cáo Phạm Hoàng Hân H như sau: Việc truy tố H về tội “Giết người” theo khoản 1 Điều 93 là không chính xác. H không có ý thức tước đoạt mạng sống của anh Liêm. Hành vi của H cũng không có tính chất côn đồ. Bởi lẽ, theo hướng dẫn tại Công văn 38 năm 1976 và Báo cáo tổng kết năm 1995 của Tòa án nhân dân tối cao thì tính chất côn đồ được hiểu là hành vi của những kẻ lưu manh, càn quấy, luôn sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn, vì những mâu thuẫn nhỏ nhặt hoặc vô cớ xâm phạm tính mạng, sức khỏe người khác. Do vậy, chỉ có cơ sở để xác định H phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Bị cáo Phạm Hoàng Hân H không có ý kiến bào chữa, mà chỉ đề nghị được Hội đồng xét xử xem xét KH hồng. Bị cáo đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía người bị hại.

Bị cáo Trần Hoài Th không có ý kiến bào chữa mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bị cáo Nguyễn Quang P bào chữa như sau: Sau khi sự việc đánh nhau xảy ra, bị cáo tình cờ có mặt ở gần hiện trường. Lúc đó, các bị cáo T, H và M tự leo lên xe bị cáo bảo chạy đi thì bị cáo chạy. Bị cáo không có chủ ý che giấu tội phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Ông Sơn Sa Ly, người đại diện theo ủy quyền của ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung (đại diện bị hại Sơn Liêm) trình bày ý kiến như sau: Trong quá trình điều tra và chuẩn bị xét xử, gia đình các bị cáo đã bồi thường cho ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung 52.000.000đ. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, buộc người có trách nhiệm phải bồi thường tiếp cho ông Khiêm và bà Dung 118.000.000đ tiền chi phí mai táng anh Sơn Liêm và tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần cho ông Khiêm và bà Dung.

Ông Huỳnh Khắc Thuận người bảo vệ quyền lợi cho ông Sơn Khiêm Khiêm và bà Sơn Thị Dung trình bày ý kiến như sau:

Ông đồng tình với ý kiến của Viện kiểm sát.

Việc luật sư Hiệp cho rằng H chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích” và phạm tội không có tính chất côn đồ là không có cơ sở. Bởi lẽ, giữa bị cáo H và bị hại không có bất kỳ mâu thuẫn nào nhưng bị cáo đã cùng đồng bọn tước đoạt trái phép sinh mạng của anh Sơn Liêm.

Đây là vụ án có đồng phạm. Đ(1) đã cùng với các bị cáo khác dùng các hung khí nguy hiểm tấn công anh anh Liêm dẫn đến việc anh Liêm bị chết nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm chung về hậu quả xảy ra. Việc luật sư Trí lập luận cho rằng nhát chém của Đ(1) không gây ra cái chết của anh Liêm để cho rằng Đ(1) không phạm tội “Giết người” là không có cơ sở.

Ông Nguyễn Việt Bình, người đại diện của bà ông Nguyễn Quốc Trâm và bà Nguyễn Minh Trang (cha mẹ đẻ bị cáo T(1)) trình bày ý kiến như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử KH hồng cho T(1) được hưởng mức án nhẹ để sớm được trở về đoàn tụ với gia đình. Cha, mẹ T(1) đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía bị hại.

Bà Lâm Thị Tuyết Lan (mẹ đẻ bị cáo Đ) trình bày ý kiến như sau: Bị cáo Đ còn nhỏ tuổi, suy nghĩ không chín chắn. Kính mong Hội đồng xét xử xem xét KH hồng. Bà đồng ý bồi thường theo yêu cầu của phía bị hại.

Bà Phan Thị Ngọc T (mẹ đẻ bị cáo Thành) trình bày ý kiến như sau: Kính mong Hội đồng xét xử xem xét KH hồng, cho Thành được hưởng mức án nhẹ để sớm trở về đoàn tụ với gia đình. Bà đồng ý với yêu cầu của phía người bị hại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến đối đáp với các luật sư như sau:

Mặc dù bị cáo T không trực tiếp chém anh Si nhưng T là người lôi kéo, rủ rê các bị cáo khác vào việc phạm tội. Do vậy, T phải chịu trách nhiệm đối với việc H chém anh Si. Việc luật sư Trí cho rằng T không phạm tội “Cố ý gây thương tích” là không có căn cứ.

Trong vụ án này, các bị hại không có bất kỳ mâu thuẫn nào đối với các bị cáo nhưng các bị cáo đã tước đoạt trái phép sinh mạng anh Liêm và gây thương tích cho anh Si. Do vậy, việc xác định H phạm tội có tính chất côn đồ là phù hợp với quy định của luật pháp.

Trong quá trình điều tra, khi lấy lời khai T(1), có sự tham gia của luật sư bào chữa, T(1) khai nhận rằng khi các bị cáo khác chém anh Liêm thì bị cáo cầm dao đứng ngoài cảnh giới cho đồng bọn. Do vậy, có căn cứ để xác định T(1) là đồng phạm. Việc luật sư Thụy Anh cho rằng T(1) không phạm tội là không có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các luật sư bào chữa đã thực đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Các luật sư, các bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy, các hành vi, các quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2]. Căn cứ lời khai của các bị cáo, lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án, vật chứng thu giữ, Kết luận pháp y tử thi số 416-15/KLGD-PY ngày 15/6/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh (277), Văn bản giải thích pháp y số 16/PC54(Đ4) ngày 17/11/2015 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh giải thích về hung khí gây án, Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 856/TgT.15 ngày 29/10/2015 của Trung tâm Pháp y – Sở Y tế Thành phố Hồ Chí Minh và các tài liệu liên quan khác, có căn cứ để xác định: Vào khoảng 22 giờ 30 phút ngày 16/5/2015, ở khu vực Công viên Vườn Lan thuộc Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, chỉ vì nghi ngờ anh Sơn Liêm và anh Thạch Phonl Si là những thanh niên thuộc nhóm thanh niên Khơ me trước đó có mâu thuẫn với mình, các bị cáo Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H, Hứa Anh M, Trang Hữu Tr, Trần Đoàn Đ(1), Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ đã có hành vi dùng mã tấu, dao, “dũ” ... là những hung khí nguy hiểm để đánh, đâm, chém anh Liêm và anh Si, dẫn đến hậu quả anh Liêm bị chết và anh Si bị thương tích với tỷ lệ tổn thương cơ thể là 14%. Hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ.

[3]. Trong vụ án này, khi rủ nhau cùng đi đánh nhau, các bị cáo không xác định đối tượng cụ thể sẽ đánh. Tuy nhiên, các bị cáo thống nhất ý chí trong việc

cùng nhau mang mã tấu, dao, “dũ” làm hung khí đi đánh, chém người khác; đồng thời, các bị cáo cũng nhận biết trước được hành vi của cả nhóm sẽ thực hiện là có thể dẫn đến việc tước đoạt sinh mạng của người khác nhưng vẫn đồng tình thực hiện và có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra; các bị cáo cũng không có bất kỳ thỏa thuận nào để giới hạn hành vi của cả nhóm. Trong thực tế, T, H, Tr, Đ(1), T(1), Đ, M đã cùng nhau tham gia truy đuổi anh Liêm; T đã cầm mã tấu chém nhiều nhất vào đầu anh Liêm là nguyên nhân trực tiếp làm anh Liêm chết; các bị cáo H, Tr, Đ(1), T(1), Đ, M đã dùng mã tấu, dao, “dũ”, khúc tre, khúc gỗ đánh chém vào phần thân người anh Liêm, góp phần dẫn đến cái chết của anh Liêm. Hành vi của các bị cáo có tính chất hỗ trợ lẫn nhau, không chỉ tạo điều kiện cho nhau thực hiện hành vi phạm tội mà còn mang tính hỗ trợ nhau về mặt tinh thần. Mặt khác, khi cùng nhau đánh chém anh Liêm, không có bị cáo nào ngăn cản hành vi của đồng bọn (ngoại trừ M có sự khuyên can nhưng xảy ra vào thời điểm sau khi anh Liêm đã bị chém nhiều nhất vào đầu). Trong quá trình thực hiện tội phạm, các bị cáo đã có sự tiếp nhận ý chí của nhau. Do vậy, mặc dù không có sự thỏa thuận trước là sẽ giết anh Liêm nhưng các bị cáo Thành, H, Tr, Đ(1), T(1), Đ, M phải chịu trách nhiệm hình sự đối hậu quả làm cho anh Liêm bị chết. Đối với việc gây thương tích cho anh Si, H là người trực tiếp cầm mã tấu (là hung khí nguy hiểm) chém gây thương tích cho anh Si, T trực tiếp truy đuổi anh Si, mã tấu H sử dụng để chém anh Si là do M cung cấp. Do vậy, H, T và M phải chịu trách nhiệm về hậu quả gây thương tích cho anh Si.

[4]. Trong vụ án này, giữa các bị cáo T, H, Tr, Đ(1), T(1), Đ, M với anh Liêm, anh Si không có bất kỳ mâu thuẫn nào. Các bị cáo chỉ nghi ngờ anh Liêm, anh Si thuộc nhóm người có mâu thuẫn với các bị cáo trước đó, các bị cáo đã chủ động sử dụng các hung khí nguy hiểm như dao, mã tấu để tấn công anh Liêm, anh Si, làm cho anh Liêm chết, anh Si bị thương. Diễn biến sự việc cho thấy các bị cáo có ý thức sẵn sàng dùng vũ lực để giải quyết mâu thuẫn chỉ vì những nguyên cớ nhỏ nhất trong cuộc sống. Đây chính là dấu hiệu có tính chất côn đồ được hướng dẫn tại công văn số 38/NCPL ngày 06/01/1976 và Báo cáo tổng kết ngành Tòa án năm 1995 của Tòa án nhân dân tối cao. Do vậy, việc xác định H, T, Tr, M, Đ(1), T(1) và Đ phạm tội có tính chất côn đồ là đúng luật pháp. Việc luật sư Hiệp viện dẫn 2 văn bản đã nêu và lập luận cho rằng H không phải là thành phần lưu manh côn đồ nên phạm tội không có tính chất côn đồ là hiểu chưa chính xác về nội dung các văn bản đã nêu.

[5]. Lập luận và phân tích tại mục [3] và [4] đã nêu là cơ sở để bác bỏ ý kiến của các luật sư bào chữa cho rằng: T chỉ phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Đ(1) chỉ phạm tội “Giết người” theo khoản 2 Điều 93 Bộ luật hình sự; T(1) không phạm tội.

[6]. Th biết được Thành và các bị cáo khác sử dụng mã tấu chém chết người nhưng Th vẫn cất giấu mã tấu (có dính máu và tóc) khi T yêu cầu. Chỉ khi Cơ quan công an yêu cầu Th giao nộp thì Th mới giao nộp. Hành vi của Th là hành vi che giấu tội phạm.

[7]. P biết T, H, M mới gây án nhưng đã dùng xe máy của mình chở T, H và M rời khỏi hiện trường để tránh bị phát hiện. Tại phiên tòa, P khai rằng sau khi xảy ra sự việc, các bị cáo Thành, H và M tự leo lên xe của bị cáo và yêu cầu bị cáo chạy nên bị cáo chạy đi mà không biết gì. Tuy nhiên, tại phiên tòa, T khai rằng trên đường đi đánh nhau, T có gặp P, P hỏi đi đâu thì bị cáo nói là đi đánh nhau, P chỉ “ừ” và không nói gì. Sau khi các bị cáo chém anh Liêm thì thấy P dừng xe cách nơi anh Liêm bị chém khoảng từ 7m đến 8m; trong biên bản ghi lời khai P vào ngày 06/4/2016 (bl.744), P cũng thừa nhận biết được các bị cáo khác chém chết người nhưng không trình báo. Do vậy, có cơ sở để xác định rằng P biết T, H, M mới gây án nhưng vẫn chở T, H, M khỏi hiện trường. Việc bị cáo P cho rằng bị cáo không có ý thức che giấu tội phạm là không có cơ sở.

[8]. Hành vi của các bị cáo T, H, Tr, Đ(1), T(1), Đ, M là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ, tính mạng, sức khỏe của công dân; xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng; gây Hg mang, lo sợ cho quần chúng nhân dân. Các bị cáo đều là những người có sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là sai trái, bị luật pháp nghiêm cấm nhưng do bản tính hung hăng, hiếu thắng, thiếu ý thức tôn trọng luật pháp, xem thường tính mạng, sức khỏe của người khác nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H, Hứa Anh M đã phạm tội “Giết người” và tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm n khoản 1 Điều 93 và khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009 (Bộ luật hình sự); Trang Hữu Tr, Trần Đoàn Đ(1), Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ phạm tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 93 Bộ luật hình sự.

[9]. Hành vi của P và Th là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tư pháp trong việc bảo vệ quyền lợi chính đáng của công dân. Các bị cáo nhận thức được việc làm của mình là trái pháp luật nhưng do thiếu ý thức tôn trọng pháp luật nên vẫn cố ý vi phạm. Đối chiếu với quy định của pháp luật, có đủ cơ sở để kết luận Trần Hoài Th và Nguyễn Quang P phạm tội “Che giấu tội phạm” theo khoản 1 Điều 313 Bộ luật hình sự;

[10]. Đối với T:

T là người rủ rê, lôi kéo, xúi giục người khác vào việc phạm tội và là người trực tiếp mang theo mã tấu và dùng mã tấu chém anh Liêm nhiều nhát chí mạng vào vùng đầu. Những vết thương do T chém là nguyên nhân trực tiếp làm anh Liêm bị vỡ hộp sọ và tử vong. Hành vi của T hết sức hung hãn, quyết liệt, thể hiện sự xem thường tính mạng người khác; mức độ nguy hiểm là cao nhất so với các bị cáo còn lại.

Trong số những người mà bị cáo T lôi kéo vào việc phạm tội có Đ(1), T(1) và Đ là người chưa thành niên. Do vậy, cần áp dụng điểm n khoản 1 Điều 48 để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với T.

Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội “Giết người” như đã vừa nêu, nếu là người đã thành niên thì phải bị áp dụng hình phạt cao nhất là loại bỏ khỏi đời sống xã hội. Tuy nhiên, khi phạm tội, T là người chưa thành niên (17 năm 4 tháng tuổi), nhận thức có phần hạn chế, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm. Do vậy, cần áp dụng Điều 69, Điều 74, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ vi phạm, các tính tiết tăng nặng, giảm nhẹ, các nguyên tắc xử lý đối với người chưa thành niên, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn với mức hình phạt tương xứng đối với T.

Bị cáo phạm nhiều tội. Vào ngày 01/12/2015, bị cáo còn bị Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HS-ST (hiện bị cáo đang chấp hành bản án vừa nêu). Do vậy, cần áp dụng Điều 50 và Điều 75 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung.

[11]. Đối với Phạm Hoàng Hân H:

H là người trực tiếp cầm mã tấu chém gây thương tích cho anh Si và chém 2 nhát vào lưng và chân của anh Liêm. Theo kết quả giám định thì những thương tích trên thân thể anh Liêm (ngoài những thương tích ở vùng đầu) không phải là nguyên nhân trực tiếp làm anh Liêm chết, điều này có ý nghĩa để xác định rằng hành vi của H không phải là nguyên nhân trực tiếp làm anh Liêm chết. Tuy nhiên, hành vi của H cũng đã góp phần dẫn đến việc anh Liêm bị chết. Hành vi phạm tội “Giết người” của H có mức độ nguy hiểm hạn chế hơn so với T nhưng cao hơn so với các bị cáo khác. Đối với việc gây thương tích cho anh Si, hành vi của H được xác định là nguy hiểm nhất so với các đồng phạm còn lại.

Theo cáo trạng truy tố thì khi truy đuổi anh Liêm, H cùng với T trực tiếp cầm mã tấu chém vào đầu anh Liêm nhiều nhát dẫn đến tử vong. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khác đều khai rằng không thấy H chém vào đầu anh Liêm, mặt khác T khai nhận mình chính là người đã chém 5 nhát vào vùng đầu của anh Liêm. Do vậy, không có cơ sở để xác định H là người đã chém vào đầu anh Liêm như cáo trạng quy kết.

H là người có nhân thân không tốt: Ngày 10/11/2013, bị cáo có hành vi cướp giật tài sản nên ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự. Khi phạm tội vừa nêu, bị cáo chưa đủ 18 tuổi. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 thì bị cáo được xem là người không có án tích. Đây là quy định mới có lợi cho bị cáo. Do vậy, căn cứ theo hướng dẫn Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của

Quốc Hội, cần áp dụng quy định vừa nêu, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm nên được áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn tương xứng.

Bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[12]. Đối với Hứa Anh M:

M là người giữ vai trò giúp sức cho T và H thực hiện hành vi “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”. Khi T gọi điện thoại cho M hỏi mượn mã tấu và rủ đi đánh nhau, M biết được việc sử dụng mã tấu để đánh nhau là có thể dẫn đến chết người nhưng M vẫn đồng ý cho T, H mượn mã tấu, có ý thức để mặc cho hậu quả xảy ra. M còn trực tiếp mang theo 1 cây “dũ” 3 khúc bằng sắt tham gia đi đánh nhau. Khi T, H và đồng bọn đuổi, đánh, chém anh Liêm và anh Sĩ thì bị cáo cầm cây “dũ” và có đánh vào chân anh Liêm 1 cái. Hành vi của M có mức độ nguy hiểm hạn chế hơn so với T và H.

M là người có 2 án tích chưa được xóa:

Ngày 17/6/2008, có hành vi cướp tài sản nên ngày 11/6/2009, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 4 năm tù về tội “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 133 Bộ luật hình sự (bản án hình sự phúc thẩm số 956/2009/HSPT ngày 11/6/2009); đến ngày 30/8/2010 được đặc xá tha về địa phương; thi hành xong án phí ngày 06/8/2009;

Ngày 04/04/2012 bị bắt về hành vi “Cưỡng đoạt tài sản” nên ngày 20/6/2012, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 2 năm tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 95/2012/HSST ngày 20/7/2012; ngày 04/4/2014, bị cáo được tha về địa phương nhưng chưa thi hành khoản tiền phạt 10.000.000đ và án phí.

Bị cáo đã tái phạm nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo được xác định thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”. Do vậy, cần áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm nên được áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Trong quá trình gây án, khi thấy các bị cáo khác chém anh Liêm đã gục ngã, bị cáo có khuyên can các bị cáo khác không chém nữa. Hành vi phạm tội đã hoàn thành, hậu quả đã xảy ra nên bị cáo vẫn phải chịu trách nhiệm hình sự về tội

“Giết người”. Tuy nhiên, cần xem xét tình tiết này là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như đã nêu, cần áp dụng mức hình phạt tương xứng.

Bị cáo phạm nhiều tội nên cần áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự để tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung.

[13]. Đối với Trang Hữu Tr:

Khi được T, H rủ Tr đi đánh nhau, Tr đồng ý. Khi đánh nhau, Tr cầm khúc tre, rượt đuổi đánh trúng chân anh Liêm, làm anh Liêm té ngã, tạo cơ hội cho các bị cáo khác đánh, chém anh Liêm. Hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm hạn chế hơn so với T, H, M nhưng cao hơn so với các bị cáo còn lại.

Tương tự như bị cáo H, vào ngày 10/11/2013, Tr có hành vi Cướp giật tài sản nên ngày 28/10/2014, bị Tòa án nhân dân Quận 10 xử phạt 1 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” theo khoản 1 Điều 136 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 (đã được sửa đổi năm 2017) thì bị cáo được xem là người không có án tích. Đây là quy định mới có lợi cho bị cáo. Do vậy, căn cứ Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội, không áp dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm nên được áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[14]. Đối với Trần Đoàn Đ(1):

Đ(1) là người giữ vai trò giúp sức thông qua hành vi cung cấp hung khí là 2 con dao dài khoảng 30cm. Trước khi đi đánh nhau, Đ(1) đưa cho Đ 1 con và bản thân Đ(1) giữ 1 con. Trong lúc đánh nhau, Đ(1) trực tiếp cùng các bị cáo khác rượt đuổi và cầm khúc cây đánh vào người anh Liêm, góp phần dẫn đến cái chết của anh Liêm.

Hành vi của Đ(1) có mức độ nguy hiểm hơn hạn chế hơn so với các bị cáo đã cáo đã được nêu ở phần trên. Khi phạm tội bị cáo là người chưa thành niên (17 năm 7 tháng tuổi), nhận thức có phần hạn chế; bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do vậy, khi lượng hình cần áp dụng các nguyên tắc quy định tại Điều 69, Điều 74, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự, áp dụng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[15]. Đối với Nguyễn Quốc T(1):

Nguyễn Quốc T(1) là người trực tiếp cùng đồng bọn tham gia rượt đuổi chém anh Liêm. Khi tấn công anh Liêm, T(1) là cầm dao (dài khoảng 30cm) đứng ngoài cảnh giới. Hành vi của bị cáo có mức độ nguy hiểm thấp hơn so với các bị cáo đã được nêu ở các phần trên.

Bị cáo là người có nhân thân không tốt. Ngày 21/5/2013 bị Công an quận 10 bắt về hành vi cướp giật tài sản, ngày 13/11/2013, bị Tòa án nhân dân quận 10 xử 1 năm tù tội “Cướp giật tài sản”; ngày 21/4/2014 được tha về địa phương. Trong lần phạm tội vừa nêu, bị cáo chưa đủ 16 tuổi. Đối chiếu với quy định tại Điều 107 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo được xem là người không có án tích. Do vậy, không áp dụng tình tiết tăng nặng “Tái phạm” đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo cũng không được xem là “Phạm tội lần đầu”.

Trong lần phạm tội này, bị cáo phạm tội vào thời điểm chưa đủ 18 tuổi (17 năm 5 tháng tuổi); bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm. Do vậy, khi lượng hình cần dụng Điều 69, Điều 74, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự, áp dụng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt.

[16]. Đối với và Huỳnh Lâm Thành Đ:

Khi tham gia đánh anh Liêm, Đ cầm con dao dài khoảng 30cm chém trúng vào tay và chân anh Liêm. Tính chất, mức độ nguy hiểm tương tự như Đ(1), T(1). Tuy nhiên, khi phạm tội Đ chưa đủ 16 tuổi (15 năm 7 tháng tuổi); bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình anh Sơn Liêm. Với các lý do đã nêu, cần áp dụng quy định tại Điều 69, Điều 74, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Căn cứ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, cần áp dụng áp dụng thêm Điều 47 Bộ luật hình sự, áp dụng mức hình phạt tù dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và dưới mức mà Viện kiểm sát đề nghị.

[17]. Đối với Nguyễn Quang P:

P biết được T và đồng bọn gây án nhưng đã dùng xe máy chở T, H, M nhanh chóng rời khỏi hiện trường gây án nhằm che dấu tội phạm.

Từ năm 1996 đến 2012, bị cáo đã 5 lần bị Tòa án nhân dân các cấp kết án, cụ thể như sau:

-Ngày 24/3/1996, bị Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 7 tháng tù tội về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của công dân”;

-Ngày 27/12/1997, bị Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 2 năm tù về tội “Cướp giật tài sản của công dân”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 28/7/1999.

-Ngày 30/01/2000 có hành vi “Trộm cắp tài sản”, ngày 11/10/2000, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản của công dân” (án phúc thẩm); chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/7/2013.

-Ngày 05/7/2004 có hành vi “Cướp giật tài sản”, ngày 12/01/2005, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 5 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”; ngày 05/7/2009 chấp hành xong hình phạt tù;

-Ngày 09/4/2010 có hành vi trộm cắp, ngày 19/6/2012, bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 3 năm 6 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong án phạt tù 09/10/2013 (án phúc thẩm);

Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên cần dụng điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự để tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên cần áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

[18]. Đối với Trần Hoài Th:

Th là em của bị cáo Đ(1). Sau khi đánh nhau về, T đã đưa cây mã tấu còn dính máu và tóc của nạn nhân cho Th cất giấu. Th biết được T, Đ(1) và đồng bọn mới gây án chém chết người nhưng vẫn cất giấu mã tấu nhằm che giấu tội phạm. Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (có tính thụ động, một phần do Đ(1) là anh ruột của bị cáo), thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; khi phạm tội, bị cáo là người chưa thành niên (16 năm 2 tháng tuổi). Do vậy, khi lượng hình cần áp dụng Điều 69, Điều 74, điểm h và p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Bị cáo có nơi cư trú ổn định. Với các lý do đã nêu, cần cho bị cáo được hưởng sự KH hồng, xử phạt với mức án nhẹ trong khung hình phạt và không cần cách ly khỏi đời sống xã hội cũng có thể giáo dục được. Việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt Th bằng với mức án đề nghị đối với P chưa phù hợp.

[19]. Các bị cáo T, H, M, Tr, Đ(1), T(1) và Đ đã giết hại anh Liêm; mặt khác các bị cáo T, Đ(1), T(1) và Đ khi phạm tội là người chưa thành niên. Do vậy, các bị cáo H, M, Tr và cha, mẹ các bị cáo T, Đ(1), T(1) và Đ phải chịu trách nhiệm liên đới bồi thường cho ông Khiêm và bà Dung. Căn cứ yêu cầu của ông Sa Ly; ý kiến của các bị cáo H, M, Tr; ý kiến của ông bà Phan Thị Ngọc T (mẹ của bị cáo T), ông Nguyễn Việt Bình (đại diện cha mẹ bị cáo T(1)), bà Lâm Thị Tuyết L (mẹ đẻ của bị cáo Đ); căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 591, Điều 593, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo H, M, Tr và các ông bà Phan Thị Ngọc T (mẹ của bị cáo T), ông Trần Ngọc Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Kim N (cha, mẹ đẻ

của bị cáo Đ(1)), ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Minh T (cha, mẹ đẻ của bị cáo T(1)), bà Lâm Thị Tuyết L (mẹ đẻ của bị cáo Đ) phải liên đới bồi thường cho ông Khiêm và bà Dung 118.000.000đ tiền chi phí mai táng và tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần cho ông Khiêm và bà Dung (không kể số tiền đã bồi thường trước). Trong trường hợp các ông bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Ngọc Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Kim N (cha, mẹ đẻ của bị cáo Đ(1)), ông Nguyễn Quốc T và bà Nguyễn Minh T (cha, mẹ đẻ của bị cáo T(1)), bà Lâm Thị Tuyết L (mẹ đẻ của bị cáo Đ) không có tài sản để bồi thường hoặc tài sản không đủ để bồi thường mà các bị cáo T, Đ(1), T(1), Đ có tài sản riêng thì tài sản của các bị cáo được lấy để bồi thường.

[20]. Các bị cáo H, M và T là người đã gây thương tích cho anh Si, mặt khác khi phạm tội T là người chưa thành niên. Do vậy, H, M và Phan Thị Ngọc T (mẹ đẻ của bị cáo T) phải liên đới bồi thường thường cho anh Si. Anh Si vắng mặt tại phiên Tòa nhưng trong hồ sơ thể hiện anh Si yêu cầu được bồi thường 15.000.000đ chữa trị vết thương. Tại phiên tòa, các bị cáo H, M và bà Phan Thị Ngọc T (mẹ đẻ của bị cáo T) cũng đồng ý mức bồi thường đã nêu. Do vậy, căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 593, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, buộc các bị cáo H, M và các ông bà Phan Thị Ngọc T (mẹ đẻ của bị cáo T) phải liên đới bồi thường cho anh Si 15.000.000đ; trong trường hợp bà Phan Thị Ngọc T không có tài sản để bồi thường hoặc tài sản không đủ để bồi thường mà bị cáo T có tài sản riêng thì tài sản của bị cáo T được lấy để bồi thường cho anh Si.

[21]. Để đảm bảo quyền lợi cho người được thi hành án, cần buộc người có nghĩa vụ thi hành án phải trả lãi cho người được thi hành theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nếu chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[22]. Vật chứng được xem xét xử lý theo quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003. Chiếc điện thoại Samsung thu giữ của M và chiếc điện thoại Nokia thu giữ của Tr là phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với chiếc điện thoại LG thu giữ được tại hiện trường gây án nhưng không rõ chủ sở hữu nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Đối với các vật chứng còn lại là vật cấm lưu hành, vật không còn sử dụng được nên cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo Vũ Minh T, Phạm Hoàng Hân H, Hứa Anh M phạm tội “Giết người” và “Cố ý gây thương tích”; các bị cáo Trang Hữu Tr, Trần Đoàn Đ(1), Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ phạm tội “Giết người”; các bị cáo Trần Hoài Th và Nguyễn Quang P phạm tội “Che giấu tội phạm”.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm n khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50, Điều 69, Điều 74 và Điều 75 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Vũ Minh T** 18 năm tù về tội “Giết người” và 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, đồng thời buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt 1 năm tù theo bản án hình sự sơ thẩm số 138/2015/HS-ST ngày 01/12/2015 của Tòa án nhân dân Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 18 (mười tám) năm tù; thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Phạm Hoàng Hân H** 14 năm tù về tội “Giết người” và 3 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 17 (mười bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, khoản 2 Điều 104, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 50 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Hứa Anh M** 12 năm tù về tội “Giết người” và 2 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 14 (mười bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Trang Hữu Tr** 12 (mười hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Trần Đoàn Đ(1)** 9 (chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Nguyễn Quốc T(1)** 8 (tám) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/5/2015.

Áp dụng điểm n khoản 1 Điều 93, điểm p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Huỳnh Lâm Thành Đ** 6 (sáu) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 26/4/2016.

Áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm h và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74, khoản 1 và 2 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Trần Hoài Th** 9 (chín) tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo, thời gian thử thách là 1 (một) năm 6 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 313, điểm g khoản 1 Điều 48, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009,

Xử phạt **Nguyễn Quang P** 2 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 07/7/2017.

2. Về mặt dân sự:

Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự năm 1999, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 587, Điều 590, Điều 591, Điều 593, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015,

Buộc bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M, bị cáo Trang Hữu Tr, bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Ngọc Huỳnh L, bà Huỳnh Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Minh T, bà Lâm Thị Tuyết L phải liên đới bồi thường cho ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung 118.000.000đ (một trăm mười tám triệu đồng) tiền chi phí mai táng anh Sơn Liêm và tiền bù đắp tổn thất về mặt tinh thần cho ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung (không kể số tiền đã bồi thường trước);

Buộc bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M và bà Phan Thị Ngọc T phải liên đới bồi thường cho anh Thạch Phonl Si 15.000.000đ (mười lăm triệu đồng);

Phân trách nhiệm bồi thường của bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M, bị cáo Trang Hữu Tr, bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Ngọc Huỳnh L, bà Huỳnh Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Minh T và bà Lâm Thị Tuyết L đối với ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung là như nhau.

Phân trách nhiệm bồi thường của bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M và bà Phan Thị Ngọc T đối với anh Thạch Phonl Si là như nhau.

Trong trường hợp bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Ngọc Huỳnh L và bà Huỳnh Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Minh T, bà Lâm Thị Tuyết L không có tài sản để bồi thường hoặc tài sản không đủ để bồi thường cho ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung mà các bị cáo Vũ Minh T, Trần Đoàn Đ(1), Nguyễn Quốc T(1), Huỳnh Lâm Thành Đ có tài sản riêng thì tài sản của các bị cáo được lấy để bồi thường cho ông Sơn Khiêm và bà Sơn Thị Dung.

Trong trường hợp bà Phan Thị Ngọc T không có tài sản để bồi thường hoặc tài sản không đủ để bồi thường cho anh Thạch Phonl Si mà bị cáo Vũ Minh T có tài sản riêng thì tài sản của bị cáo Thành được lấy để bồi thường cho anh Thạch Phonl Si.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền đã nêu, người phải thi hành án còn phải trả thêm tiền lãi cho người được thi hành theo mức lãi suất quy định khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

3. Về vật chứng

Áp dụng điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003,

Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

-1 điện thoại di động Nokia 105 màu đen: 357134064386184;

-1 điện thoại di động Samsung màu đen: 358412/04/816738/6;

-1 điện thoại di động LG màu trắng: 355033051010918.

Tịch thu tiêu hủy:

-1 mã tấu dài khoảng 70cm, bệ bản lưỡi rộng 4,5cm, mũi nhọn, phần chuôi quấn bằng dây vải;

-1 cây mã tấu dài khoảng 50cm, bệ bản lưỡi rộng 4,5cm, mũi bằng, phần chuôi được quấn bằng băng keo màu đen có sọc màu đỏ;

-1 con dao tự chế dài khoảng 33cm, cán dao quấn sợi nylon màu xanh dài khoảng 10cm;

-1 con dao dài khoảng 31cm, cán bằng nhựa dài khoảng 11cm, một bên cán bị mất phần ốp cán;

-1 khúc tre dài khoảng 1,48m;

-2 khúc gỗ tròn dài khoảng 58cm, màu nâu;

-1 nón bảo hiểm màu đen, cam;

-1 đôi dép kẹp màu trắng;

-1 đôi dép kẹp màu đen;

-1 đôi dép màu đen;

-1 mẫu máu và tóc thu tại hiện trường;

-1 mẫu máu thu tại hiện trường;

-1 mẫu máu của nạn nhân Sơn Liêm;

(Các vật chứng đã nêu hiện đang được lưu giữ tại Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh theo biên bản giao nhận tang tài vật số 346/16 lập

ngày 21/7/2016 giữa PC.81 Công an Thành phố Hồ Chí Minh với Cục Th hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

4. Về án phí.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M, bị cáo Trang Hữu Tr, bà Phan Thị Ngọc T, ông Trần Ngọc Huỳnh L, bà Huỳnh Thị Kim N, ông Nguyễn Quốc T, bà Nguyễn Minh T và bà Lâm Thị Tuyết L phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.900.000đ (năm triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị cáo Phạm Hoàng Hân H, bị cáo Hứa Anh M và bà Phan Thị Ngọc T phải liên đới chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 750.000đ (bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Các bị cáo và các ông bà Nguyễn Việt B, Lâm Thị Tuyết L, Phan Thị Ngọc T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Thạch Phonl Si, ông Trần Ngọc Huỳnh L, bà Huỳnh Thị Kim N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 6b, Điều 7, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Th hành án dân sự hành án dân sự (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- Cục THADS TP.HCM; (9)
- Sở tư pháp TP.HCM; (1)
- Bị cáo; (9)
- Trại giam (8)
- Người bảo chữa; (6)
- Đường sự; (9)
- THAHS TP.HCM; (9)
- Phòng PC53 - CA TP. HCM; (1)
- UBND phường/xã nơi bị cáo cư trú; (9)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (70) (4)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trương Công Huân